

Sở GD&ĐT Thành phố Đà Nẵng
Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển
Giáo viên soạn: Lâm Thị Hương
Ngày soạn: 06/03/2026
Lớp dạy: 10/1, 10/3, 10/7
Thời gian thực hiện: Tuần 26

ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ II

Môn: Tin học; Lớp: 10
Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Ôn tập những kiến thức đã học trong các bài: 21, 22, 23, 24, 25.

§ 21. Câu lệnh lặp while. Nhận biết:

- Biết lệnh lặp while với số lần không biết trước.
- Biết các cấu trúc lập trình cơ bản.
- Biết cách dừng và thoát ngay khỏi vòng lặp while hoặc for có thể dùng lệnh break.

Thông hiểu:

- Hiểu được cách sử dụng câu lệnh while.

Vận dụng:

- Viết được chương trình bài tập sử dụng lệnh lặp while.

§ 22. Kiểu dữ liệu danh sách. Nhận biết:

- Biết độ dài của danh sách, cách khởi tạo danh sách.
- Biết cách truy cập từng phần tử của danh sách.

Thông hiểu:

- Hiểu cách duyệt các phần tử của danh sách bằng lệnh for.
- Hiểu hàm len() và cách sử dụng của phương thức append().

Vận dụng:

- Thực hiện được cách duyệt các phần tử của danh sách bằng lệnh for.

§ 23. Một số lệnh làm việc với danh sách. Nhận biết:

- Biết cách duyệt danh sách bằng toán tử in.
- Biết được một số phương thức thường dùng với danh sách.

Thông hiểu:

- Hiểu cú pháp và cách sử dụng phương thức remove(), clear(), insert(), append().

Vận dụng:

- Thực hiện được một số phương thức thường dùng với danh sách.

§ 24. Xâu kí tự. Nhận biết:

- Biết khái niệm chuỗi ký tự trong Python, chuỗi rỗng, độ dài của chuỗi.

Thông hiểu:

- Hiểu được 2 cách duyệt lệnh for.
- Hiểu được duyệt ký tự theo chuỗi ký tự dùng toán tử in.

Vận dụng:

- Thực hiện được lệnh for trên chuỗi ký tự.

§ 25. Một số lệnh làm việc với chuỗi ký tự. Thông hiểu:

- Hiểu cách sử dụng lệnh tách một chuỗi thành danh sách các chuỗi con và lệnh nối danh sách gồm các chuỗi con thành một chuỗi trong Python.

Vận dụng

- Sử dụng được các kiến thức về chuỗi ký tự: nhập chuỗi, gộp chuỗi, tách chuỗi và đếm số ký tự, tính tổng các số đã nhập trong chuỗi thỏa điều kiện trên chuỗi để giải bài toán cụ thể.

1. Năng lực:

1.1. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: HS có khả năng tự đọc SGK, kết hợp với gợi ý của GV để trả lời các câu hỏi.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS làm việc theo nhóm để giải quyết những yêu cầu của GV.
- Năng lực sáng tạo và giải quyết vấn đề: HS trả lời các câu hỏi của GV và bổ sung, đưa ra một số ví dụ minh chứng liên quan đến nội dung bài học.

1.2. Năng lực chuyên môn:

- Năng lực Tin học;
- Năng lực tính toán.

2. Phẩm chất:

- Nhân ái: Thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm, sẵn sàng chia sẻ sản phẩm của mình cho các bạn góp ý, đánh giá và tham khảo.
- Trung thực: Thật thà, ngay thẳng trong quá trình học tập và làm việc nhóm; lên án sự gian lận của các nhóm (nếu có).
- Trách nhiệm: Có tinh thần trách nhiệm với nhiệm vụ, hoàn thành báo cáo để đưa ra kết quả.
- Chăm chỉ: Chăm học hỏi, có tinh thần tự học; nhiệt tình, năng nổ trong hoạt động nhóm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị dạy học: Máy chiếu, máy tính giáo viên
- Học liệu: Sách giáo khoa Tin học 11

III. MA TRẬN ĐỀ

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									Tổng			Tỉ lệ % (điểm)	
			TNKQ			TNKQ Đúng-Sai			TỰ LUẬN							
			Nhiều LC							B	H	VD	B	H		VD
1	Chủ đề 5. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính	Bài 21. Câu lệnh lặp While				2 (1a,1b)	1 (1c)	1 (1d)			4 ES2	2	1	5	20% (2đ)	
		Bài 22. Kiểu dữ liệu danh sách				2 (3a,3b)	1 (3c)	1 (3d)			4 ES3	2	1	5	20% (2đ)	
		Bài 23. Một số lệnh làm việc với dữ liệu danh sách	2 (1,2)	2 (3,4)									2	2	0	10% (1đ)
		Bài 24. Xâu kí tự	2 (5,6)			2 (2a,2b)	1 (2c)	1 (2d)					4	1	1	15% (1.5đ)
		Bài 25. Một số lệnh làm việc với xâu kí tự	3 (7,8)	1 (9,10)						4 ES1			2	6	0	20% (2đ)
		Bài 26. Hàm trong Python	1 (11,12)			2 (4a,4b)	1 (4c)	1 (4d)					4	1	1	15% (1.5đ)
Tổng số lệnh hỏi			8	4	0	8	4	4	0	2	2	16	12	12	40	
Tổng số điểm			2.0	1.0	0	2.0	1.0	1.0	0	1.0	2.0	4.0	3.0	3.0	10	
Tỉ lệ %			30			40			30			40	30	30	100	

IV. Ôn tập

A. CÂU TRẮC NGHIỆM DẠNG D1 (12 CÂU, 3 điểm)

Bài 21: Câu lệnh lặp while

Câu 1: Cú pháp, ý nghĩa của lệnh while? Điều kiện?

BÀI 22: KIỂU DỮ LIỆU DANH SÁCH

Câu 2: Cú pháp, ý nghĩa của kiểu dữ liệu danh sách. Cho ví dụ.

- Truy cập từng phần tử của danh sách.
- Tính độ dài của danh sách.
- Gán giá trị cho phần tử.
- Xóa phần tử của danh sách.
- Tạo danh sách rỗng.

- Chỉ số của danh sách.

Câu 3: Trình bày duyệt các phần tử của danh sách bằng lệnh for.Cho ví dụ.

Câu 4: Tính độ dài của danh sách?

BÀI 23. MỘT SỐ LỆNH LÀM VIỆC VỚI DỮ LIỆU DANH SÁCH

Câu 5: Dùng toán tử in để kiểm tra một giá trị có nằm trong danh sách hay không.

Câu 6: Sử dụng toán tử in để duyệt từng phần tử của danh sách.

Câu 7: Cú pháp và cách sử dụng phương thức `append()`, `remove()`, `clear()`, `insert()`. Cho ví dụ.

BÀI 24 XÂU KÍ TỰ

Câu 8: Khái niệm chuỗi ký tự trong Python. Chuỗi rỗng. Cho ví dụ.

Câu 9: Lệnh duyệt chuỗi ký tự dùng toán tử in? Cho ví dụ?

Câu 10: Tính độ dài của chuỗi ký tự?

Câu 11: Chuỗi hợp lệ?

Câu 12: Lệnh duyệt ký tự của chuỗi. Cho ví dụ. Ghi nhớ trang 120

BÀI 25. MỘT SỐ LỆNH LÀM VIỆC VỚI XÂU KÍ TỰ

Câu 13: Biểu thức kiểm tra <chuỗi 1> nằm trong <chuỗi 2>. Cho ví dụ.

Câu 14: Cú pháp lệnh `split()` tách một chuỗi thành danh sách các chuỗi con. Cho ví dụ. Ghi nhớ trang 121.

Câu 15: Cú pháp lệnh `join()` nối danh sách gồm các từ thành một chuỗi? Cho ví dụ?

Bài 26: HÀM TRONG PYTHON

Câu 16: Nhận biết các hàm thiết kế sẵn trong Python.

Câu 17: Cú pháp hàm có trả lại giá trị và không trả lại giá trị, cú pháp lệnh gọi hàm.

Câu 18: Cách thiết lập hàm tự định nghĩa (ghi nhớ trang 128).

B. CÂU TRẮC NGHIỆM DẠNG D2 (4 câu 16 lệnh hỏi, 4 điểm)

b21 Câu 1: Trong tiết thực hành môn tin cô giáo đưa ra nội dung. Viết chương trình

nhập vào số n lẻ, nguyên dương và tính tổng: $T = \frac{1}{1} + \frac{1}{3} + \frac{1}{5} + \dots + \frac{1}{n}$ (trong đó có sử dụng câu lệnh `while`)

1	<code>n=int(input("nhập n nguyên dương lẻ"))</code>	Một số học sinh đưa ra các ý kiến về chương trình trên như sau: a) Dòng (1) lệnh nhập số nguyên dương và lẻ cho biến n. (B,)
2	<code>T=0</code>	
3		

4	i=1	b) Dòng (7) lệnh print(T) hiển thị kết quả ra màn hình. (B,) c) Điều kiện i>T đúng thì thoát khỏi vòng lặp while. (H,) d) Khi nhập giá trị n=5 kết quả hiển thị trên màn hình là 24. (VD,)
5	while i<=n:	
6	T=T+1/i	
7	i=i+2 print(T)	

B22 Câu 2: Cho đoạn chương trình sau:

1	A=[1,2,3,4,5]
2	for i in range(len(A)):
3	print(A[i],end=" ")

Một số học sinh đưa ra các ý kiến về chương trình trên như sau:

- a) Dòng (1) khởi tạo A là xâu kí tự. (B,.....)
- b) Dòng (2) len(A) dùng để tính độ dài của xâu. (B,)
- c) Biến i chạy trên vùng chỉ số từ 0 đến len(A)-1. (H,)
- d) Đoạn chương trình trên hiển thị kết quả ra màn hình là 1 2 3 4 5 (VD,)

b24 Câu 3: Cho đoạn chương trình sau:

1	s="Thoikhoabieu"
2	for ch in s:
3	print(ch,end=" ")

Một số học sinh đưa ra các ý kiến về chương trình trên như sau:

- a) Dòng (1) s có độ dài là 12. (B,.....)
- b) Để truy cập vào phần tử "T" của xâu s, ta viết là s[1]. (B,)
- c) Biểu thức "k" in s trả lại giá trị False. (H,)
- d) Sau khi thực hiện đoạn chương trình trên in ra màn hình là T h o i k h o a b i e u (VD,)

C. TỰ LUẬN: (3 câu, 3điểm)

Bài 25. MỘT SỐ LỆNH LÀM VIỆC VỚI XÂU KÍ TỰ

a) Em hãy viết câu lệnh tách một xâu thành danh sách các xâu con mà dùng kí tự cần tách là ";"?

```
>>>S="TRÍ;TUỆ;NHÂN;TẠO;AI"
```

b) Em hãy viết câu lệnh nối danh sách các xâu con thành một xâu trong đó có dùng kí tự nối là dấu gạch dưới?

```
>>>C=["NÓI", "KHÔNG", "VỚI", "THUỐC", "LÁ"]
```

Bài 21. BÀI TẬP WHILE

Bài 1: Viết chương trình nhập vào số k nguyên dương và tính tổng: $S = 1^2 + 2^2 + 3^2 + \dots + k^2$ trong đó có sử dụng câu lệnh while.

Bài 2: Viết chương trình nhập vào số a nguyên dương và in ra màn hình a! Trong đó có sử dụng câu lệnh while.

Bài 3: Viết chương trình nhập vào số k nguyên dương và tính tổng $S = 1 + 3 + 5 + \dots + m$

(trong đó có sử dụng câu lệnh while)

Bài 4: Viết chương trình nhập vào số u chẵn, nguyên dương và tính tổng $S = 2 + 4 + 6 + \dots + u$

(trong đó có sử dụng câu lệnh while)

Bài 5: Viết chương trình nhập vào số m chẵn, nguyên dương và tính tổng: $S = 1 + \frac{1}{2} + \frac{1}{4} + \dots + \frac{1}{k}$

Bài 6: Viết chương trình nhập vào số n lẻ, nguyên dương và tính tổng:

$$T = \frac{1}{1} + \frac{1}{3} + \frac{1}{5} + \dots + \frac{1}{n}$$

(trong đó có sử dụng câu lệnh while)

BÀI 22. KIỂU DỮ LIỆU DANH SÁCH

Câu 7: Cho trước danh sách K gồm các số thực. Viết chương trình tính tổng các số dương có trong danh sách.

Câu 8: Cho trước danh sách H gồm các số nguyên. Viết chương trình đếm số lượng số lẻ có trong danh sách.

Câu 9: Cho trước danh sách P gồm các số nguyên. Viết chương trình tính tích các số nguyên dương có trong danh sách.

